

Thiết kế video hỗ trợ sinh viên học múa cơ bản trong Chương trình Đào tạo Giáo viên mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang

Trương Thị Tâm Chung*

*Trường CĐSP Trung ương Nha Trang

Received: 28/4/2024; Accepted: 3/5/2024; Published: 13/5/2024

Abstract: In the system of professional standards for preschool teachers in Vietnam, dance skills are highly emphasized and are considered one of the criteria to evaluate "artistic capacity in nurturing, caring, and teaching activities.". The addition of visual materials in video form to support Early Childhood Education students in practicing dance skills in self-study activities is necessary. This article aims to share some experiences in designing videos to support dance learning for students majoring in Early Childhood Education at Nha Trang National College of Education

Keywords: Dance, video design, teaching materials, preschool education

1. Đặt vấn đề

Múa là một trong những loại hình nghệ thuật xuất hiện sớm nhất trong sự tồn tại và phát triển của loài người. Hiện nay, trong hệ thống các chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (GVMN) tại Việt Nam, các kỹ năng múa (KNM) rất được chú trọng và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá “*năng lực nghệ thuật trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của người GVMN*” [3]. Việc GVMN có khả năng múa tốt, biểu diễn đẹp trong khi tổ chức các hoạt động tại trường mầm non rất quan trọng trong việc giúp trẻ mầm non phát triển xúc cảm thẩm mỹ, nảy sinh nhu cầu, mong muốn tham gia tích cực vào hoạt động nghệ thuật, góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ và thể chất cho trẻ từ đó tạo cơ sở ban đầu để hình thành nhân cách con người. Vì thế, việc bổ sung tư liệu trực quan dạng video để hỗ trợ sinh viên (SV) luyện tập thực hành các KNM trong hoạt động tự học là cần thiết. Bài viết chia sẻ một số kinh nghiệm thiết kế video hỗ trợ học múa cho Chương trình Đào tạo GVMN hệ chính qui, trình độ cao đẳng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về Chương trình Đào tạo bộ môn múa tại Trường CĐSP Trung ương Nha Trang

Học phần Âm nhạc - múa được thiết kế với thời lượng là 60 tiết thực hành, trong đó Múa cơ bản chiếm 30 tiết; được thực hiện ở năm học thứ nhất; là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; có tính chất bắt buộc và điều kiện tiên quyết đối với nhiều học phần như: Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ

mầm non; KNM và biên đạo múa mầm non... Nội dung bao gồm: một số khái niệm, kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa; các KNM cơ bản của dân tộc Kinh và một số dân tộc ít người. Học phần được tổ chức thực hiện với mục tiêu giúp SV thực hiện được đúng luật động, âm nhạc, tính chất của các động tác múa cơ bản và vận dụng linh hoạt động tác múa vào các bài hát múa mầm non[4]. Học phần Âm nhạc – múa có đặc thù là học phần thực hành năng khiếu nghệ thuật, do đó người dạy và người học cần có năng khiếu và kỹ năng (KN) hoạt động âm nhạc, KN biểu diễn nhất định để việc truyền đạt và tiếp thu học tập dễ dàng hơn. Ngoài ra, để đảm bảo hiệu quả, SV cần được học trong phòng học chức năng với đầy đủ trang thiết bị phù hợp, phục vụ cho việc học, thực hành của SV và tuân thủ các yêu cầu của giảng viên (GV): phòng học có không gian rộng, có âm thanh, trang bị gương soi; SV mặc trang phục múa thoải mái, đi giày múa, tóc tai gọn gàng... Phương pháp giảng dạy học phần thường là làm mẫu, phân tích, luyện tập tại phòng thực hành dưới các hình thức luyện tập theo cả lớp, nhóm hoặc chỉnh sửa KN cá nhân. Tuy nhiên số lượng SV trong 1 lớp học khá đông do đó gây khó khăn trong luyện tập, sửa sai các KN biểu diễn... cần nhiều sự hỗ trợ từ phía GV. Vì thế, việc xây dựng tư liệu dạy học trực quan hỗ trợ cho SV trong việc học tập trên lớp cũng như tự học học phần Âm nhạc – múa là cần thiết.

2.2. Nhu cầu của sinh viên về video hỗ trợ quá trình học tập bộ môn Múa cơ bản

Chúng tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên trên 301 SV để tìm hiểu về nhu cầu về video các động tác múa

hỗ trợ quá trình học tập bộ môn Múa. Kết quả thu được cho thấy: Có 274/301 chiếm 91.0% SV được hỏi cho rằng cần thiết phải bổ sung tư liệu dạy học dạng video hỗ trợ việc học múa; có 288/301 chiếm 95.7% SV cho rằng việc đưa video động tác múa sẽ giúp SV dễ dàng quan sát từ đó hình dung rõ ràng hơn cách thức thực hiện các động tác từ đó giúp thực hành các KNM được hiệu quả hơn; có 167/301 chiếm 55.5% SV đồng ý video cũng giúp hứng thú trong quá trình tự học, tự nghiên cứu ở nhà góp phần nâng cao chất lượng các giờ học thực hành múa trên lớp. Đặc biệt, các SV được khảo sát là SV đã từng trải qua giai đoạn học tập online do điều kiện dịch Covid 19 bùng phát, kết quả khảo sát cho thấy 181/301 chiếm 60.1% SV đồng ý rằng việc ra đời các video học múa sẽ giúp SV dễ dàng thích nghi với hình thức dạy học trực tuyến trong điều kiện thực tiễn có nhiều biến động. Đa số SV (tỷ lệ cao từ 82% - 98%) mong muốn trong video hỗ trợ cho dạy và học múa có đầy đủ những nội dung như: tiêu đề, hình ảnh minh họa; video động tác minh họa; hướng dẫn bằng lời nói; hướng dẫn bằng chữ viết; âm nhạc.. Những nội dung này sẽ cung cấp biểu tượng động tác, giúp SV dễ dàng quan sát, ghi nhớ động tác di chuyển trong không gian của SV, ngoài ra cũng hỗ trợ giúp SV múa đúng nhịp, đúng luật động của động tác ngay cả khi trong điều kiện lớp đông, GV khó tiếp cận cá nhân để chỉnh sửa KNM cho từng cá nhân.

2.3. Thiết kế video hỗ trợ sinh viên học Múa cơ bản trong Chương trình Đào tạo GVMN, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang

2.3.1. Một số khái niệm

a. *Thiết kế*: Thiết kế là động từ chỉ “*quá trình tạo ra sản phẩm*” [1] hoặc việc “*lên kế hoạch để sản xuất ra một đối tượng, một hệ thống, một thành phần, một cấu trúc*” [5]. Thiết kế cũng là sự kết hợp giữa sáng tạo và truyền tải sáng kiến kinh nghiệm.

b. Video hỗ trợ học tập

- Video là phương tiện điện tử để ghi, sao chép, phát lại, phát sóng và hiển thị hình ảnh chuyển động được lưu trữ trong các phương tiện [5].

- Video được sử dụng hỗ trợ trong học tập là “*các đoạn video chứa đựng nội dung học tập, dựa vào đó, GV và SV có thể đọc, quan sát, nghe... nhằm tìm hiểu, phân tích, nghiên cứu, chiếm lĩnh tri thức khoa học*” [6]. Video hỗ trợ học tập được coi như tư liệu dạy học và về một mặt nào đó có thể tương đương với phương tiện dạy học.

c. *Thiết kế video hỗ trợ học múa, học phần Âm nhạc – múa*: Thiết kế video hỗ trợ học tập là việc

lên kế hoạch và quá trình tạo ra các video chứa đựng nội dung học tập. Do đó việc thiết kế các video hỗ trợ là việc tạo ra sản phẩm gồm những video tổng hợp chứa đựng những hình ảnh chuyển động kết hợp ngôn từ, âm thanh phục vụ chương trình dạy học để SV dựa vào đó quan sát, nhìn, nghe nhằm tìm hiểu, phân tích các tri thức của nội dung phần múa cơ bản thuộc học phần Âm nhạc – múa.

2.3.2. Vai trò của video hỗ trợ học Múa cơ bản

Với tính chất là học phần thực hành, việc có video sẽ tăng cơ hội giúp SV tự rèn luyện năng lực múa theo khả năng trong hoạt động tự học. Video cũng hỗ trợ, giúp SV có thêm kiến thức, KN chuyên môn sâu, giúp người học thuận lợi hơn trong việc phát huy tính tích cực trong giờ học trên lớp cũng như tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện thêm một KN biểu diễn múa nào đó.

2.3.3. Nguyên tắc thiết kế video hỗ trợ học Múa cơ bản

a. *Đảm bảo tính mục đích*: Các video cần được xây dựng nhằm giúp ích và truyền đạt chính xác các kiến thức, KN về múa đảm bảo cho người xem hiểu và lĩnh hội được kiến thức một cách rõ ràng. Thiết kế nội dung trong các video hỗ trợ dạy và học học phần Âm nhạc – múa cần hướng dẫn từng bước cụ thể trong quy trình luyện tập các động tác múa cơ bản, giúp người học có thể làm theo hướng dẫn của người dạy một cách dễ dàng để hiểu kiến thức, thực hiện được KN về múa, múa đúng tính chất, đúng luật động, đúng âm nhạc các động tác múa.

b. *Đảm bảo tính sư phạm*: Các video hỗ trợ học múa phải đảm bảo giúp cho truyền đạt một cách thuận lợi các kiến thức, KNM cho SV phù hợp với yêu cầu của môn học, giúp cho SV phát triển được khả năng nhận thức và tư duy logic; phải phù hợp với tính chất nội dung thực hành của môn học; phù hợp với nhiệm vụ sư phạm, thúc đẩy khả năng tiếp thu của SV, giúp SV sau quá trình học tập sẽ đạt được mục tiêu của bài học, góp phần đạt được mục tiêu của cả học phần.

c. *Đảm bảo tính thẩm mỹ*: Nội dung các video cần đảm bảo tính thẩm mỹ, màu sắc tươi sáng, hài hòa phù hợp với môi trường sư phạm. Các video cần chứa đựng hình ảnh sinh động, hấp dẫn về các tổ hợp động tác múa đặc trưng cho tính chất vùng miền dân tộc, được thực hiện trong không gian hài hòa, sử dụng trang phục đẹp mắt, phù hợp tính chất âm nhạc... làm cho SV thích thú khi sử dụng, kích thích lòng yêu thích luyện tập các KNM, mong muốn cải thiện khả năng biểu diễn múa phục vụ cho nghề nghiệp tương lai.

d. *Đảm bảo tính khả thi*: Các video xây dựng phải

đảm bảo nội dung phù hợp với khả năng nhận thức của người học, được xem xét trong điều kiện thực tế về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy và học phần Múa cơ bản và có khả năng áp dụng vào hoạt động thực tiễn giáo dục tại Trường CĐSP Trung ương, Nha Trang một cách thuận lợi. Các video được thiết kế phải có tính linh hoạt, sáng tạo, phù hợp, sử dụng dễ dàng, hiệu quả, đối với các thiết bị dễ sử dụng như điện thoại thông minh hoặc máy tính cá nhân của SV.

2.3.4. Đề xuất quy trình thiết kế video hỗ trợ học Múa cơ bản

Quy trình thiết kế video có thể chia thành các giai đoạn, mỗi giai đoạn xác định tuân thủ tính tuần tự và có sự liên quan chặt chẽ với nhau. Tác giả đề xuất quy trình thiết kế video bao gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu: Mục tiêu của video phải hỗ trợ được SV trong hoạt động học phần Múa cơ bản của học phần Âm nhạc – múa, Chương trình Đào tạo GVMN hệ chính qui trình độ cao đẳng Trường CĐSP Trung ương Nha Trang, tại cả hình thức học tập trên lớp và tự học để giúp SV sau quá trình học tập sẽ đạt được mục tiêu của bài học, góp phần đạt được mục tiêu của cả học phần với chất lượng, hiệu quả cao.

Bước 2: Xác định nội dung: Nội dung của bộ video hỗ trợ dạy học phần Múa cơ bản, học phần Âm nhạc – múa được xác định dựa trên nội dung của phần Múa cơ bản của học phần Âm nhạc – múa, Chương trình Đào tạo GVMN hệ chính qui trình độ cao đẳng Trường CĐSP Trung ương Nha Trang hiện hành, bao gồm các động tác múa cơ bản của dân tộc Kinh và dân tộc ít người. Ngoài ra, chúng tôi cũng căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của việc thực hiện các động tác trong các tài liệu về “Múa dân gian các dân tộc Việt Nam” để xây dựng nội dung cụ thể về kỹ thuật thực hiện động tác trong các video.

Bước 3: Xây dựng kịch bản: Kịch bản xây dựng video được xác định để truyền tải đầy đủ các thông tin cơ bản về các động tác múa cơ bản của dân tộc Kinh và dân tộc ít người, cấu trúc mỗi kịch bản bao gồm các phần: thông tin đảm bảo tính bản quyền của video; tên động tác; tính chất động tác; tư thế chuẩn bị trước khi tiến hành thực hiện động tác; vị trí động tác tay, chân theo các nhịp; kết hợp động tác múa cùng âm nhạc.

Bước 4: Quay video: Sử dụng thiết bị chuyên dụng như máy quay phim, điện thoại thông minh để quay, chụp ảnh các phân cảnh. Kiểm tra các phân cảnh chưa đạt yêu cầu để bổ sung có đầy đủ tài nguyên khi dựng video.

Bước 5: Kiểm tra và tinh chỉnh video: Sử dụng

các phần mềm dựng video để: Sắp xếp các cảnh quay theo ý tưởng thiết kế; Dựng thô, kết nối các cảnh quay theo thứ tự; Chỉnh sửa các cảnh quay (cắt bỏ cảnh thừa; thêm hiệu ứng, kỹ xảo; thêm âm thanh; chỉnh màu sắc).

Bước 6: Lấy ý kiến chuyên gia và hoàn thiện video: Tham khảo trao đổi ý kiến với đồng nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực... để góp phần nâng cao chất lượng của video.

3. Kết luận

Một trong các chuẩn đầu ra cho SV ngành GDMN là giúp SV thực hiện được KN hát, múa... trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. Được trang bị vốn kiến thức, KN về nghệ thuật múa tại trường sư phạm sẽ giúp các thế hệ GVMN tương lai sẽ làm tốt công tác giáo dục nghệ thuật cho trẻ, đặc biệt trong hướng dẫn trẻ múa, vận động minh họa, từ đó góp phần thỏa mãn nhu cầu vận động theo nhạc của trẻ, giúp trẻ được bộc lộ cảm xúc, giao tiếp với bạn bè qua các động tác múa, có mong muốn được thể hiện cái hay, cái đẹp khi vận động theo nhạc. Việc bổ sung tư liệu trực quan dạng video để hỗ trợ SV luyện tập thực hành các KNM trong hoạt động tự học để tăng hiệu quả dạy và học của học phần là cần thiết. Để thực hiện chức năng hỗ trợ một cách hiệu quả, các video được xây dựng phải dựa trên các căn cứ khoa học, đảm bảo các nguyên tắc thiết kế và tuân thủ đầy đủ các bước của quy trình thiết kế.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Phê (2009), *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng. tr1071.
2. Chu Bích Thảo (2016), *Khai thác và sử dụng video trong giảng dạy học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường CĐSP Lạng Sơn*. Thông báo khoa học, số 15 (10/2016), tr113.
3. Trần Thị Ngọc Trâm (chủ nhiệm), Hoàng Thị Thu Hương, Lí Thu Hiền, Phạm Thị Ngọc Anh, Phùng Thị Tường (2008), *Xác định các kỹ năng nghề của GVMN đáp ứng với đổi mới GDMN*, Đề tài Nghiên cứu Khoa học cấp Bộ, mã số: B2006-37-09, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2008.
4. Trường CĐSP Trung ương Nha Trang (2022), *Chương trình học phần Âm nhạc Múa - Chương trình Đào tạo GVMN hệ chính qui, trình độ cao đẳng*. Tài liệu lưu hành nội bộ.
5. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*. Nxb Văn hóa thông tin.
6. Tochon, F (2008), *A brief history of video feedback and its role in foreign language education*. CALICO Journal, 25(3), 420e435.